TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN TXTHÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 309/2019/QĐST-HNGĐ	*Hà Nội, ngày* 26 *tháng* 7 *năm* 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 285/2019/TLST/HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019, giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn TTH, sinh năm 1978;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 6, xã YM, huyện TT, thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú hiện nay: Số 283 phố KT, phường KT, quận TX, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Ông Nguyễn XT, sinh năm 1976;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 6, xã YM, huyện TT, thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú hiện nay: Số 283 phố KT, phường KT, quận TX, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 18 tháng 7 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã

hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: ***Bà Nguyễn TTH, sinh năm 1978***;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 6, xã YM, huyện TT, thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú hiện nay: Số 283 phố KT, phường KT, quận TX, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: ***Ông Nguyễn XT, sinh năm 1976***;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 6, xã YM, huyện TT, thành phố Hà Nội;

Nơi cư trú hiện nay: Số 283 phố KT, phường KT, quận TX, thành phố Hà Nội.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn TTH và ông Nguyễn XT thuận tình ly hôn.

2.2. Về giao nuôi con: Bà Nguyễn TTH và ông Nguyễn XT có có 02 con chung là Nguyễn BN, sinh ngày 09.09.2001 và Nguyễn MT, sinh ngày 15.9.2007.

Khi ly hôn, giao bà Nguyễn TTH trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn BN, sinh ngày 09.09.2001. Giao ông Nguyễn XT trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn MT, sinh ngày 15.9.2007.

Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền đi lại, thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không bên nào được cản trở.

2.3. Về tài sản, nhà ở, vay nợ: Bà Nguyễn TTH và ông Nguyễn XT không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về án phí: Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn TTH chịu toàn bộ án phí ly hôn, án phí giao nuôi con bao gồm cả phần của ông Nguyễn XT phải chịu, tổng án phí của vụ án là 300.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

300.000 đồng đã nộp tại biên lai số 0006035 ngày 21.6.2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận TX;
- UBND cấp xã nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

PHƯƠNG THẢO

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 40-DS:</u>

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ghi họ tên, địa chỉ của đương sự. Tuỳ theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(3) Ghi họ tên của đương sự ly hôn.

(4) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành (kể cả án phí).